

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2019/DS-ST
Ngày: 13-11-2019
V/v “tranh chấp về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Văn Lộc;

Ông Nguyễn Văn Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2019/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 5, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết T là Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Tuyết T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Trương Thị H, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 11, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Cháu Tổng Huỳnh N, sinh ngày 03/12/2011 và cháu Tổng Gia B, sinh ngày 16/3/2013. Địa chỉ: Tổ 5, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1985 (là mẹ ruột). Địa chỉ: Tổ 5, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2019 và và 01/8/2019 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Chị Huỳnh Thị T là nguyên đơn, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Cha chồng của chị tên Tống Văn T (1960 – 1995), mẹ chồng tên Trương Thị H, sinh năm 1957; trú tại: Tổ 11, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Chồng chị là anh Tống Văn T (1985 – 2017), anh T chết không để lại di chúc. Chị và anh T có 02 người con chung là Cháu Tống Huỳnh N, sinh ngày 03/12/2011 và cháu Tống Gia B, sinh ngày 16/3/2013. Ngoài ra, anh T không có người con riêng và con nuôi nào khác.

Di sản của anh T chết để lại gồm: $\frac{1}{2}$ diện tích đất của phần đất 245,1m² (đo đạc thực tế 234m²), thuộc thửa đất số 688, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Đất có sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận (GCN): CH02386/005841.TA.VP do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 31/10/2013 cho chị và anh T đứng tên. Phần đất này có nguồn gốc của mẹ chồng tên Trương Thị H cho chung vợ chồng vào năm 2013 sau khi vợ chồng chị kết hôn (năm 2011), không phải cho riêng anh T như mẹ chồng đã trình bày.

Hiện trạng trên phần đất có 01 căn nhà cấp 4B gồm 02 phần, phần căn nhà phía trước có diện tích ngang 4,12m x dài 11m được xây dựng vào năm 2012 với số tiền gần 50.000.000 đồng, trong đó mẹ chồng cho 11.800.000 đồng, số tiền còn lại là tiền của chị có được do bán đất thừa kế từ cha ruột của chị tên Huỳnh Văn N (1950 – 1996) để lại thừa kế cho chị và tiền bán vàng cưới của vợ chồng. Nên phần căn nhà cấp 4B phía trước này là tài sản chung của vợ chồng chị, không phải là tài sản riêng của anh T.

Phần căn nhà cấp 4B phía sau có diện tích ngang 4,12m x dài 9,7m được xây dựng vào năm 2013 cùng mái che phía trước nhà, tường rào, cổng rào, trụ và bồn nước inox, toàn bộ vật dụng trong nhà cùng chiếc xe Nozza được xây dựng và mua từ tiền riêng của chị do bán 01 phần đất ruộng và 01 phần đất nhà do cha ruột chết để lại thừa kế cho chị, không phải được xây dựng và mua từ tiền chung của vợ chồng. Do đó, tất cả các phần tài sản này là tài sản **riêng của chị**.

Nay chị yêu cầu được chia di sản thừa kế do anh T chết để lại gồm: $\frac{1}{2}$ diện tích đất của phần đất 245,1m² nêu trên và $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà cấp 4B có diện tích 4,12m x dài 11m gắn liền trên đất theo pháp luật cho chị cùng Cháu Tống Huỳnh N, Tống Gia B và Bà Trương Thị H, mỗi người 01 phần di sản bằng nhau. Đồng thời, do chị là người hiện đang trực tiếp quản lý, sử dụng nhà và đất nên chị yêu cầu được nhận di sản bằng hiện vật, được đứng tên trên giấy chứng nhận QSDĐ để sau này có điều kiện lo cho các con ăn học. Chị có trách nhiệm thanh toán bằng tiền suất thừa kế cho các đồng thừa kế còn lại.

Bị đơn – Bà Trương Thị H trình bày:

Chồng của bà là cha ruột của anh T tên Tống Văn T (1960 – 1995). Anh T

(1985 – 2017), anh T chết không để lại di chúc. Anh T và chị T có 02 người con chung là Cháu Tổng Huỳnh N, sinh ngày 03/12/2011 và cháu Tổng Gia B, sinh ngày 16/3/2013. Ngoài ra, anh T không có người con riêng và con nuôi nào khác.

Vào năm 2010, Chị Huỳnh Thị T và con trai của bà tên Tổng Văn T chung sống với nhau, đến năm 2011 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T, chị T chung sống tại nhà bà. Để tạo điều kiện cho vợ chồng anh T, chị T có cuộc sống riêng, năm 2012, bà cho anh T 01 phần đất diện tích ngang 5m x dài 25 m để xây dựng nhà. Đến năm 2013, bà mới tiến hành thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh T đứng tên. Phần đất này bà cho riêng anh T, không cho chung anh T và chị T.

Căn nhà cấp 4B phía trước có diện tích ngang 4,12 m x dài 11m được xây dựng vào năm 2012, có nguồn gốc là do bà cho riêng anh T số tiền 60.000.000 đồng để xây dựng. Nên căn nhà này cũng là tài sản riêng của anh T. Do là mẹ con với nhau nên khi giao tiền thì bà giao trực tiếp cho anh T, không làm giấy tờ. Bà không tham gia gì vào quá trình xây dựng căn nhà. Anh T là người trực tiếp đứng ra mua vật liệu xây dựng, thuê công thợ và chi trả tiền công thợ.

Riêng phần đất diện tích 245,1m², bà khẳng định bà chỉ cho riêng anh T, không cho chung vợ chồng anh T, chị T. Việc bà cho là cho trực tiếp tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh khi làm thủ tục tặng cho. Giữa bà với anh T không lập văn bản giấy tờ gì riêng thể hiện bà cho riêng anh T phần đất.

Phía chị T được thừa kế 02 phần đất từ cha ruột chết để lại và chị T đã bán vào năm 2013, đồng thời chị T bỏ tiền ra xây dựng căn nhà cấp 4B phía sau giáp với căn nhà cấp 4B phía trước, mua và xây dựng các vật dụng trong nhà cùng các tài sản khác trên đất như chị T đã trình bày. Về diện tích đất cụ thể chị T được thừa kế riêng và chị T đã bán với số tiền cụ thể bao nhiêu thì bà không biết vì vợ chồng chị T, anh T không nói.

Do đó, di sản của anh T chết để lại gồm:

- Phần đất có diện tích ngang 5m x dài 25m, diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 245,1m² cùng căn nhà cấp 4B phía trước có diện tích ngang 4,12m x dài 11m được xây dựng trên đất.

Nay chị T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của anh T chết để lại là ½ phần đất có diện tích 245,1m² cùng ½ giá trị căn nhà cấp 4B diện tích 4,12 m x dài 11m, tọa lạc tại phần đất trên thì bà không đồng ý chia. Vì nhà và đất là tài sản của bà cho riêng anh T, anh T đã chết thì chị T được tiếp tục sử dụng, không có quyền bán và để cho 02 cháu của bà là Cháu Tổng Huỳnh N và Tổng Gia B có chỗ sinh sống và học tập.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa thể hiện: Phần đất diện tích 245,1m² (diện tích đo đạc thực tế

234m²) thuộc thửa đất số 688, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh cùng căn nhà cấp 4B phía trước gắn liền với đất là tài sản chung của vợ chồng chị T và anh T. Chị T và anh T đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho phần đất trên vào ngày 31/10/2013. Về căn nhà thì Bà Trương Thị H cũng chỉ trình bày miệng, không đưa ra được chứng cứ chứng minh là bà cho riêng tiền anh T để xây dựng nhà.

Do đó, lời trình bày của bà H cho rằng phần tài sản trên là tài sản riêng của anh T là không có cơ sở. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Giao cho chị T ½ diện tích đất và ½ giá trị căn nhà, ½ diện tích đất và ½ giá trị căn nhà còn lại thì chia theo pháp luật cho 04 thừa kế của anh T gồm: chị T, bà H, cháu N và cháu B, mỗi người 01 phần di sản bằng nhau. Và xem xét giao cho chị T được hưởng di sản bằng hiện vật, chị T có nghĩa vụ thanh toán suất thừa kế cho các đồng thừa kế còn lại bằng tiền.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Chị Huỳnh Thị T, chia ½ diện tích đất của phần đất 245,1m² (diện tích đo đạc thực tế 234m²) cùng ½ giá trị căn nhà cấp 4B phía trước theo pháp luật thành 04 phần cho chị T, Bà Trương Thị H, Cháu Tổng Huỳnh N và Tổng Gia B, mỗi người 01 phần di sản bằng nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Căn cứ đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “tranh chấp về thừa kế tài sản” được quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn cư trú tại: Tổ 11, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

*** Về nội dung:**

[1] Xét yêu cầu của của nguyên đơn – Chị Huỳnh Thị T thì thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Chị Huỳnh Thị T và Bà Trương Thị H đều thống nhất: Anh Tổng Văn T chết vào ngày 19/12/2017, không để lại di chúc. Chị T và anh T chung sống với nhau vào năm 2010, đến năm 2011 thì đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, chị T và anh T có 02 con chung là Cháu Tổng Huỳnh N, sinh ngày 03/12/2011 và cháu Tổng Gia B, sinh ngày 16/3/2013. Ngoài ra, anh T không có người con riêng và con nuôi nào khác. Cha ruột của anh T tên Tổng Văn T (1960 – 1995). Do đó, căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự 2015 thì hàng thừa kế thứ nhất của anh T gồm: Bà H, chị T, cháu N và cháu B.

[2] Theo hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận QSDĐ tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh – Chi nhánh Châu Thành do nguyên đơn cung cấp thể hiện: Phần đất có diện tích 245,1m² (đo đạc thực tế 234m²), thuộc thửa đất số 688, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh, là tài sản chung của vợ chồng chị T và anh T. Chị T và anh T được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 31/10/2013.

[3] Đối với căn nhà cấp 4B phía trước có diện tích 4,12 m x dài 11m (45,32m²) gắn liền với thửa đất: Chị T trình bày, tại thời điểm xây dựng, căn nhà có giá trị khoảng 50.000.000 đồng và bà H chỉ cho vợ chồng chị số tiền 11.800.000 đồng, số tiền còn lại do vợ chồng bán vàng cưới được số tiền khoảng 20.000.000 đồng và tiền riêng của chị do bán phần đất thừa kế từ cha ruột của chị tên Huỳnh Văn N chết để lại. Phía bà H cho rằng, bà cho riêng anh T số tiền 60.000.000 đồng để xây dựng căn nhà, không cho chung vợ chồng anh T, chị T. Nhưng do là chỗ mẹ con nên bà chỉ cho miệng, không làm giấy tờ. Tuy nhiên, bà thừa nhận, trong thời gian về chung sống với anh T, chị T được thừa kế tài sản của cha ruột chị T chết để lại và chị T đã bán và dùng tiền để mua vật dụng trong nhà cũng như xây dựng căn nhà cấp 4B phía sau cùng các công trình phụ trên đất. Nên các phần tài sản này là tài sản riêng của chị T, bà không tranh chấp.

Do đó, có cơ sở xác định phần đất có diện tích 245,1m² (đo đạc thực tế 234m²) cùng căn nhà cấp 4B phía trước gắn liền với thửa đất là tài sản chung của chị T và anh T. Nên $\frac{1}{2}$ số tài sản chung là của chị T và $\frac{1}{2}$ số tài sản chung còn lại là di sản thừa kế của anh T chết để lại cho các thừa kế.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Chị Huỳnh Thị T và lời trình bày của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T là có cơ sở chấp nhận.

[4] Tại biên bản định giá tài sản ngày 29/8/2019 thể hiện, di sản thừa kế của anh T có giá trị: $\frac{1}{2}$ diện tích đất (350.000.000 đồng : 2) + $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà cấp 4B phía trước (54.044.100 đồng : 2) = 175.000.000 đồng + 27.022.000 đồng = 202.022.000 (hai trăm lẻ hai triệu không trăm hai mươi hai nghìn) đồng.

[5] Do anh T chết không để lại di chúc, nên theo quy định tại Điều 650 Bộ luật Dân sự năm 2015, di sản của anh T được chia theo pháp luật cho 04 thừa kế của anh T, mỗi người 01 phần di sản bằng nhau, cụ thể:

- Bà Trương Thị H = Chị Huỳnh Thị T = Cháu Tổng Huỳnh N = cháu Tổng Gia B: 202.022.000 đồng : 4 = 50.505.500 (năm mươi triệu năm trăm lẻ năm nghìn năm trăm) đồng.

[6] Xét yêu cầu của chị T được hưởng di sản thừa kế bằng hiện vật và giao cho các đồng thừa kế còn lại suất thừa kế theo pháp luật bằng giá trị thì thấy rằng, đây là một yêu cầu có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, chị T là vợ của anh T, chị T là người đang quản lý, sử dụng nhà và đất. Mặt khác, diện tích đất 117m² (½ diện tích 234m²) là di sản thừa kế của anh T là quá nhỏ, không thể chia bằng hiện vật cho các đồng thừa kế còn lại của anh T. Do đó, Hội đồng xét xử chia cho chị T được hưởng di sản bằng hiện vật, chị T có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị suất thừa kế bằng tiền cho các đồng thừa kế, mỗi người số tiền 50.505.500 (năm mươi triệu năm trăm lẻ năm nghìn năm trăm) đồng.

[7] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản: Chị T tự nguyện chịu 2.904.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo đạc và định giá tài sản. Chị T đã nộp xong nên ghi nhận.

[8] Về án phí: Chị Huỳnh Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật. Cháu Tổng Huỳnh N và cháu Tổng Gia B thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật. Riêng Bà Trương Thị H thuộc trường hợp được miễn tiền án phí, tuy nhiên, bà H từ chối không làm đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật, nên bà H phải chịu tiền án phí đối với phần di sản bà được hưởng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 612, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Huỳnh Thị T về việc “tranh chấp về thừa kế tài sản” đối với Bà Trương Thị H.

- Giao cho Chị Huỳnh Thị T được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 245.1m² (đo đạc thực tế 234m²) gắn liền với căn nhà cấp 4B có diện tích 85,284m² (ngang 4,12m x dài 20,7m); mái che phía trước diện tích 18m² (ngang 4m x dài 4,5m); tường rào bao quanh đất; cổng rào; 01 trụ bồn nước và bồn nước inox thuộc thửa đất số 688, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận (GCN): CH02386/005841.TA.VP do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 31/10/2013 cho Chị Huỳnh Thị T và anh Tổng Văn T đứng tên. Đất có tứ cận: Phía Đông giáp đất bà H; phía Tây giáp đất ông T; phía Nam giáp đất bà L; phía Bắc giáp đường.

(Kèm theo Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 09/8/2019 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh – Chi nhánh Châu Thành).

Chị Huỳnh Thị T có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các thủ tục để đứng tên quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai cho phù hợp với quyết định này.

- Buộc Chị Huỳnh Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho Bà Trương Thị H, Cháu Tổng Huỳnh N và cháu Tổng Gia B, mỗi người số tiền 50.505.500 (năm mươi triệu năm trăm lẻ năm nghìn năm trăm) đồng.

- Giao cho Chị Huỳnh Thị T quản lý số tiền 101.011.000 (một trăm lẻ một triệu không trăm mười một nghìn) đồng của Cháu Tổng Huỳnh N và cháu Tổng Gia B cho đến khi cháu N, cháu B đủ 18 tuổi thì giao lại cho cháu N, cháu B.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản: Ghi nhận Chị Huỳnh Thị T tự nguyện chịu số tiền 2.904.000 (hai triệu chín trăm lẻ bốn nghìn) đồng. Chị T đã nộp xong.

3. Về án phí:

- Chị Huỳnh Thị T phải chịu 2.525.000 (hai triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 925.000 (chín trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0019762 ngày 03/5/2019 và biên lai thu số 0006148 ngày 01/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị T còn phải nộp tiếp số tiền 1.600.000 (một triệu sáu trăm nghìn) đồng.

- Bà Trương Thị H phải chịu 2.525.000 (hai triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Cháu Tổng Huỳnh N và cháu Tổng Gia B thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- P.KTNV – TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Phượng